**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 56**

*Các vị pháp sư*, *các vị đồng tu*, *xin mời ngồi*!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 256, xem từ hàng thứ ba, Chú giải của Niệm lão: “**Thuyết là duyệt**, **đẹp lòng mong mỏi**”. Hai chữ “Phật thuyết”, chữ “Thuyết” này, thuyết cũng có ý là “Hỷ duyệt”. Vì sao nói là “Hỷ duyệt”? Bởi vì sự mong mỏi, kỳ vọng của Thế Tôn cuối cùng cũng đến rồi. Vì thế, Ngài vô cùng hoan hỷ. Đức Phật kỳ vọng vào điều gì? Hy vọng duyên đắc độ của chúng sanh được chín muồi. Phật có thể đến giúp cho họ, có thể thành tựu họ. Cái duyên đắc độ này, được chín muồi sẽ như thế nào? Nghĩa là tất cả kinh giáo do Phật thuyết có thể tin một cách chân thành mà không hề nghi ngờ, lại có thể lý giải, có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành. Đây chính là duyên chín muồi rồi, Phật nhất định không bao giờ bỏ rơi những người này.

Trong Đại Thừa giáo thường nói: “**Trong cửa Phật chẳng bỏ rơi một ai**”. Chân thật đầy đủ “Tín, nguyện” lại chịu y giáo phụng hành, Phật không bao giờ bỏ bạn, Phật nhất định hiện thân giúp đỡ bạn. Nên chữ “Duyệt” này mang ý nghĩa về sự mong mỏi. “**Hai chữ ‘Phật thuyết’ chỉ rõ kinh này được chính kim khẩu của Phật nói ra**, **chẳng phải do kẻ khác nói**”, bộ kinh này được chính kim khẩu Phật Thích Ca thuyết. Trên kinh Phật dùng cái từ “Kim khẩu”, “Kim” thuộc trong Ngũ kim tức là vàng, bạc, đồng, sắc, thiếc. Bốn loại còn lại đều dễ bị oxi hóa, duy chỉ có “Vàng” là không bị tình trạng oxi hóa, trước sau luôn giữ được màu sắc của nó. Nhờ đó nên được người đời gọi là báu vật. Trong Thất bảo, xếp hàng đầu là vàng, vàng đại biểu cho sự bất biến, biểu thị cho “Chân thật”. Lời Phật nói là lời chân thật, chắc chắn không hề vọng ngữ. Nhất định không lừa gạt chúng sanh, nên mới gọi là “Kim khẩu”. “Tuyên” là tuyên thuyết, không phải do người nào khác; trừ Phật ra, đệ tử của Phật cũng có giảng kinh, nhưng kinh này không phải do đệ tử của Ngài nói. Cũng không phải do Tiên Nhân, hay do một người nào đó biến hóa thuyết ra; mà được thuyết bởi chính miệng Phật Thích Ca Mâu Ni, đặc biệt là bộ kinh này, vì sao? Vì bộ kinh này chân thật phô bày bổn hoài của Phật.

Bạn xem, “**Phật lấy việc độ sanh làm nguyện**”, Phật vì sao phải xuất hiện ở thế gian này? Phàm phu ở tại thế gian này là do nghiệp lực. Đời trước hành thiện, thân ngữ ý, ba nghiệp đều thiện; nên cảm được quả báo là cõi Người và cõi Trời. Thượng phẩm của thiện thì sanh Thiên, trung phẩm sẽ sanh vào cõi Người. Do đó, phàm phu là do nghiệp lực. Phật đã dứt trừ nghiệp rồi, tiêu trừ đến tận gốc. Trở về cõi Thường Tịch Quang, người ở Thường Tịch Quang gọi là Pháp Thân, Pháp Thân viên mãn. Bồ Tát của cõi Thật Báo cũng chứng được Pháp Thân, nhưng chưa viên mãn. 41 vị Pháp Thân Đại sĩ nơi cõi Thật Báo, trú tại Thật Báo.

Nếu nghiệp chướng tiêu trừ sạch sẽ, quả thật chẳng còn gì, cõi Thật Báo liền biến mất. Thường Tịch Quang hiện tiền, họ liền trở về với Thường Tịch Quang; trở về Thường Tịch Quang gọi là cứu cánh viên mãn. Trong Thường Tịch Quang không có hiện tượng vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần là ý niệm, không còn hiện tượng khởi tâm động niệm, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Hay nói cách khác, cái gì cũng không có. Vì thế nên gọi là “Không”, chữ “Không” này không phải mang nghĩa của chữ “vô”. “Tánh không” tức là bổn tánh chân như của chính mình, chính là bản thân mình, Thiền Tông bảo là: “**Bổn lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra**”. Bổn lai diện mục tức là Thường Tịch Quang, ba chữ này đều là từ để hình dung mà thôi. “Thường” là chỉ cho sự không sanh không diệt, nơi đó không có sanh diệt, nên gọi là “Thường”. “Tịch”, nghĩa là trước giờ nó chưa hề bị ô nhiễm. Không hề dao động, nên gọi là “Tịch”. “Quang”, ý chỉ không nơi nào không có, không lúc nào không có. Với ý nghĩa là “Quang minh biến chiếu”. Đầy đủ những điều kiện này thì được gọi là Pháp Thân.

Pháp Thân là bản thể của hết thảy pháp; cũng tức là hết thảy pháp nương nhờ vào đó mà hiển hiện ra. Không có nó, tất cả pháp cũng không còn. Nó là bản thể của mọi pháp, là nơi để mọi pháp nương vào nhưng “Thể” là cùng một thứ. Tất cả pháp đều từ nó mà sanh ra, cho nên nó có quan hệ với hết thảy pháp. Nói rõ ra là cùng một thể: tất cả chư Phật với chúng ta là một thể; hết thảy chúng sanh với chúng ta cũng là một thể; hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, mọi hiện tượng với chính chúng ta đều cùng một thể. Đây mới là chân tướng sự thật.

Đại sư Huệ Năng, Ngài là tổ sư đời thứ sáu của Thiền Tông thời nhà Đường Trung Quốc, khi Ngài khai ngộ, Ngài đã mô tả tự tánh như thế nào? Ngài Minh tâm kiến tánh rồi, vậy tánh là gì? Ngài nói ra năm câu, năm câu này chính là bổn lai diện mục của tự tánh. Câu đầu tiên Ngài nói là “**Nào ngờ tự tánh**, **vốn tự thanh tịnh**”, tự tánh là thanh tịnh. Chính là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác” trên đề kinh, đầu tiên là thanh tịnh. Câu thứ hai là “**Nào ngờ tự tánh**, **vốn không sanh diệt**”, tự tánh không có sanh diệt. Ngoại trừ tự tánh ra, tất cả hiện tượng đều có sanh diệt. Các nhà lượng tử lực học ngày nay phát hiện, toàn thể vũ trụ được hình thành trong trạng thái nào? Hình thành trong trạng thái dao động. Nếu như sự dao động này dừng lại, vũ trụ liền biến mất. Hiện tượng dao động này, Phật Pháp gọi là ý niệm. Tâm tưởng, “**Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh**; **Sắc do tâm sanh**, **Cảnh tùy tâm chuyển**”, đây là lời trong kinh Phật. Vì thế bổn tánh là không sanh không diệt, đây chân thật là chính mình. Có sanh diệt, ví như thân thể. Ý niệm có sanh diệt đều là giả, ý niệm mà có sự sanh diệt là vọng tâm. Thân thể có sanh diệt là tướng giả, là huyễn tướng.

“**Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng**”, học Phật trước hết đối với sự việc này phải tin tưởng, không được hoài nghi. Tu hành chứng quả là chứng cái gì? Chính là đem cái chân tướng sự thật này, thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch. Bạn thấy hết rồi, đây chính gọi là chứng quả. Kỳ thật, sự việc vốn dĩ chính là như vậy, chỉ do mê nên không nhận ra. Sau khi giác ngộ, hiểu rõ rồi; hiểu rõ tự nhiên sẽ trở về với tự tánh, trở về tự tánh tức là Bồ Đề viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm gọi là “**Diệu Giác Như Lai**”, ở vào tầng thứ này thì được xưng là “**Diệu Giác Như Lai**”.

Năm câu của Huệ Năng đại sư, chúng ta giảng toàn bộ rồi. Câu thứ ba là: “**Nào ngờ tự tánh**, **vốn tự đầy đủ**”. Vốn tự đầy đủ, nghĩa là nó không hề thiếu bất kỳ thứ gì, vốn dĩ là đầy đủ, vậy đầy đủ cái gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật Thích Ca Mâu Ni có câu nói thế này: “**Tất** **cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai**”. Vì sao vậy? Trí huệ, đức tướng là thứ vốn dĩ đầy đủ trong tự tánh. Do đó, tất cả chúng sanh, mỗi người đều có trí huệ y như Phật. Không gì không biết, cũng có cùng đức năng, không gì không thể; có cùng tướng hảo, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng tướng hảo. Trong kinh Đại Thừa, Phật đã có nói với chúng ta như thế. Vì vậy, không thể hướng ngoại tìm cầu. Phật giáo dạy chúng ta: mọi thứ đều phải hướng vào trong tự tánh mà cầu. Học Phật là cầu cái gì? Cầu “Minh tâm kiến tánh”, chỉ cần vừa kiến tánh liền sẽ đầy đủ tất cả: Trí huệ, thần thông, đạo lực, tướng hảo, quang minh, thảy đều có đủ. Hướng ngoại cầu sẽ không được, phải hướng nội mà cầu.

Câu thứ tư là: “**Vốn không dao động**”, tự tánh là bất động, nó ở đâu? Biến Pháp giới Hư không giới; không nơi nào không có, không lúc nào không có; tất cả mọi hiện tượng, có ba loại là: Hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tâm lý và hiện tượng vật chất. Toàn là dao động, đều ở trạng thái động, chỉ có tự tánh là bất động. Chúng ta thường dùng màn hình ti vi để làm ví dụ, chúng ta đem màn hình ví như “Tự tánh”. Trên màn hình hiện lên hình ảnh, tức là hiện tượng. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên toàn là dao động.

Chúng ta thấy được điều đó nơi hình ảnh, nhưng màn ảnh thì không hề động. Hình ảnh được ví như Pháp giới Hư không giới; màn hình là chân tâm, là bổn tánh của chúng ta. Bổn tánh vốn không dao động, nó là bất động. Nếu chúng ta kiến tánh, sẽ thấy được sự bất động này. Trong động thấy được sự bất động liền hốt nhiên đại ngộ; động không hề trở ngại bất động; bất động cũng không gây cản trở đối với dao động. Không hề gì, chúng không cản trở nhau. Tự tánh vốn tự không tịch, cho nên không thể chấp trước, không thể phân biệt, không thể khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm là sai! Hiện tượng tuy là động, tần suất dao động này cao bao nhiêu? Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta: “***Một cái búng tay có 32 ức trăm ngàn niệm***”. Thời gian của một cái búng tay, tần suất dao động của nó là bao nhiêu lần? Là 320 triệu nhân với trăm ngàn, trăm ngàn là mười vạn; 320 triệu nhân với mười vạn là 320 ngàn tỷ, đây là một cái búng tay. Vậy một giây có thể búng được bao nhiêu lần? Búng được nhanh có thể búng được bảy lần, vậy nhân với 7; ba lần 7... 21; vậy tức là 2.100 ngàn tỷ trong một giây. Trong một giây, tần suất dao động là 2.100 ngàn tỷ một ý niệm, chính là một lần rung động; tức là 1/2.100 ngàn tỷ của giây. Chúng ta có cảm nhận được không? 1/2.100 ngàn tỷ của một giây, cũng có nghĩa một giây số lần dao động của nó là 2.100 ngàn tỷ lần.

Vậy một lần dao động trong số đó, bạn có thể cảm giác được chăng? Sự việc này xảy ra ở đâu? Chính ngay trước mắt. Chúng ta từ sớm đến tối, đều đang đối diện với cảnh giới này nhưng chẳng hề biết chút gì, đây là chân tướng sự thật. Trên kinh Phật nói đến: “**Thật tướng các pháp**”, chính là hiện tượng như vậy. Vì thế, có thể có được nó không? Không thể có được. Không thể có được mà bạn cứ muốn có, sai rồi! Đó là vọng tưởng, là sanh phiền não, bao gồm cả thân thể của chúng ta. Thân thể chúng ta tồn tại cũng là ở trong trạng thái 1/2.100 ngàn tỷ của giây. Số lần dao động của nó trong một giây là 2.100 ngàn tỷ, bạn hoàn toàn không biết gì. Phật nói với chúng ta, người nào thì biết được? Trên kinh Đại Thừa, Phật bảo là “Bồ Tát từ Bát Địa trở lên”, cũng tức là nói rõ cái chân tướng sự thật này. Bao nhiêu người có thể nhìn thấy? Từ Bát Địa trở lên, những người đó hoàn toàn biết được. Phật không có công cụ khoa học, vậy Ngài làm sao biết chứ? Ngài thấy được trong lúc Thiền Định.

Tâm thanh tịnh đến cực độ, những dao động cực kỳ vi tế Ngài đều biết. Đây là cảnh giới của Bát Địa Bồ Tát. Thiền Định, chúng ta nói đến các cấp bậc trong kinh Hoa Nghiêm nói, tổng cộng có 52 cấp, là 52 đẳng cấp. Bát Địa ở vào đẳng cấp nào? Trong 52 cấp, là năm cấp cao nhất trên cùng, tức là: Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Lên tới đỉnh rồi! Năm đẳng cấp cao nhất, các vị Bồ Tát này thảy đều biết tất cả. Không phải chỉ một mình Phật nhìn thấy, mà rất nhiều người đều thấy. Đây là chân tướng của vũ trụ. Cho nên tướng là giả, thứ này căn bản không hề tồn tại; chính là trong tần suất cao như vậy mà sanh ra hiện tượng. Mỗi tần suất là một hình ảnh, mỗi hình ảnh trước giờ chưa hề có sự trùng lặp. Mỗi một hình ảnh đều là độc lập, không có sự lặp lại. Do đó, cái tướng này là giả, không phải thật. Bởi vì, khi cái tướng của ý niệm thứ hai xuất hiện, nó sẽ khác với cái đầu tiên, chứ không giống nhau.

Cho nên, Phật mới gọi là tướng “**Tương tự tương tục**”, ý niệm này không hề ngừng lại. Bạn xem, niệm trước diệt, niệm sau sinh; ý niệm mà đoạn dứt liền sẽ thành Phật, sẽ không còn hiện tượng này nữa. Hiện tượng này vẫn còn tồn tại, chứng tỏ ý niệm chưa đoạn dứt. Nhưng bạn phải hiểu, ý niệm là giả. Vì thế, phải buông xả tất cả ý niệm, không thể có ý niệm chiếm hữu, cũng không thể có ý niệm khống chế; thậm chí cũng không được phân biệt, không được chấp trước. Phật dạy chúng ta đối với “hiện tướng”: đừng khởi tâm, đừng động niệm, đừng phân biệt, cũng đừng chấp trước. Vậy thì hoàn toàn đúng rồi! Vì sao vậy? Vì tướng là huyễn tướng, là không, nó không phải thật. Thế tự tánh với bổn thể thì sao? Bổn thể là chân không, không có hiện tượng.

Cho nên, thảy đều không thể chấp trước, cũng tức là nói: khởi tâm động niệm là mê, là sai rồi! Không khởi tâm không động niệm, chính là Phật. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, bạn có thể không khởi tâm, không động niệm. Nếu thế sẽ gọi bạn là Phật Đà, Phật ở nơi nào? Chỉ cần họ không khởi tâm, không động niệm, mỗi người đều sẽ là Phật. Vì thế, trong mắt của Phật, nhìn thấy tất cả chúng sanh đều vốn là Phật. Hiện nay tại sao đọa lạc, biến thành phàm phu sáu nẻo vậy? Chính vì bạn khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, đây là căn bản vô minh. Có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước là Bồ Tát; có khởi tâm động niệm, có phân biệt; không có chấp trước, người này gọi là A La Hán. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều có đủ, thì gọi là Lục đạo phàm phu; toàn do chính mình mà thôi!

Phật giảng rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật này, chính là hy vọng chúng ta sẽ buông xả: buông xả khởi tâm động niệm, buông xả phân biệt chấp trước. Chúc mừng bạn, bạn thành Phật rồi! Bạn sẽ thấy được Thường Tịch Quang, thấy được bản thể của vũ trụ. Cách làm này, Pháp Thân Bồ Tát có thể chứng được. Ý nghĩa chính nhằm nói với chúng ta: “Mỗi người chúng ta đều có thể chứng được”, vì sao cứ mãi cố chấp? Vì sao không chịu buông xả? Tài sắc danh lợi toàn là giả. Nếu bạn chấp trước, kiên cố chấp trước sẽ là ba đường ác. Chấp trước nhẹ hơn sẽ là ba đường thiện, không chấp trước liền siêu việt Lục đạo luân hồi, luân hồi sẽ không còn. Luân hồi là giả, là một giấc mộng; tỉnh mộng rồi, đến vết tích cũng tìm không thấy. Đây là giấc mộng thứ nhất, vẫn còn giấc mộng thứ hai, vậy thứ hai là gì? Là Thập Pháp giới. Thanh Văn, Duyên Giác và Quyền Giáo Bồ Tát đều thuộc nơi này. Họ vẫn phải trải qua một lần tỉnh mộng nữa, thật sự tỉnh lại rồi sẽ không còn Thập Pháp giới. Thập Pháp giới là cảnh mộng ở trạng thái nhẹ hơn, còn sáu nẻo luân hồi là cảnh mộng sâu nặng, không dễ gì tỉnh lại được. Chân thật tỉnh lại, Thập Pháp giới và Lục đạo đều biến mất, chẳng lưu lại chút vết tích nào.

Điều này chính là nói với chúng ta: Lục đạo hay Thập Pháp giới, cần dùng tâm thái thế nào để đối diện cùng nó? Hoàn toàn phải nhận biết được nó là giả, là một giấc mộng. Vì thế, đức Phật trong kinh Đại Thừa dùng chữ “Mộng” này để làm ví dụ là nhiều nhất. Ngài thường hay nói: “***Đây là một cảnh mộng****,* ***đừng cho là thật***”. Cảnh mộng, bạn có thể hưởng thụ nó, nhưng không được chấp trước. Không được dính tướng, không được cho là thật. Như thế bạn ở nơi này liền đắc đại tự tại.

Pháp sư Hải Hiền, chùa Phật Lai đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Ngài sống đến 112 tuổi, 20 tuổi xuất gia. Sau khi xuất gia, 92 năm này sinh hoạt của Ngài đầu tiên là Tiểu Thừa, kế đó là Đại Thừa, tiếp nữa là Phật thừa. Tiểu Thừa tức là niệm Phật, niệm đến công phu thành phiến; Đại Thừa, đồng nghĩa nâng lên đến Bồ Tát “Nhất tâm bất loạn”, đây là “Sự nhất tâm”; lại hướng lên cao nữa là “Lý nhất tâm bất loạn”, Minh tâm kiến tánh một câu Phật hiệu. Liệu có làm được không? Được! Vậy Phật hiệu giúp ích gì cho bạn? Giúp bạn buông xả, khiến tâm chúng ta từ sớm đến tối, từ đầu năm đến 30 tháng chạp, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không có. Đây chính là đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xả, như vậy là thành công! Ngài niệm đến giai đoạn này, là vào lúc nào? Tôi tỉ mỉ xem chiếc đĩa của Ngài, tính toán có lẽ là vào khoảng năm 40 tuổi thì Ngài ở vào cảnh giới này.

Ngài thường xuyên thấy Phật, với A Di Đà Phật, được xem như những người bạn vậy. Phật rất tán thưởng Ngài, bảo Ngài tu hành rất tốt. Tu thế nào được gọi là rất tốt? Chính là lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp, vả lại “**tức tướng ly tướng**”. Ngay trong tướng lại ly tướng, thế nào là trong tướng? Tức là trong cái tướng sinh hoạt không chấp vào cái tướng sinh hoạt, không phân biệt tướng sinh hoạt. Trong công việc, Ngài là làm nghề nông nhưng không chấp cái tướng làm nông. Niệm Phật không chấp tướng niệm Phật, tức “Tất cả tướng, lìa tất cả tướng”. Ngài chính là ở trong cảnh giới như vậy. Đây là cảnh giới gì? Là Thế Giới Cực Lạc, Thế Giới Cực Lạc ở đâu? Chính ngay chỗ này. Vì thế, mỗi ngày Ngài đều vui vẻ, trong bất kỳ hoàn cảnh nào bạn gặp Ngài, Ngài đều cười ha hả, rất vui vẻ! Thường hay cùng mọi người trò chuyện, Ngài nói: “***Tôi thấy thế gian này, không có chuyện gì là không tốt, không có gì là không hoan hỷ***”. Thế là thế nào? Nghĩa là dùng tâm bình đẳng, dùng tâm giác ngộ để nhìn thế giới. Ngài không có phân biệt, không có chấp trước, thậm chí cũng không khởi tâm động niệm. Ngài từ trong cái tướng giả nhìn thấy cái tướng thật. Thật tướng chính là cảnh giới chứng đắc của chư Phật. Hay nói cách khác, Ngài đã đạt đến cảnh giới chứng đắc của chư Phật, tức cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Phật rất từ bi, tán thán Ngài tu được rất tốt, tức “Tướng ly tướng”, tu quá tốt! Nên muốn Ngài biểu pháp, ở lại thêm ít năm, làm tấm gương tốt cho người niệm Phật nhìn thấy; để người niệm Phật đều học tập theo Ngài. Sống đến 112 tuổi, tuổi thọ dài như vậy, tôi ước tính chí ít ba, bốn chục năm sau đó, là do A Di Đà Phật kéo dài cho Ngài. Phật muốn Ngài biểu pháp, đến lúc nào biểu pháp sau cùng viên mãn? Thì khi viên mãn Phật sẽ đến tiếp dẫn Ngài đi, đưa Ngài đến Thế Giới Cực Lạc. Đợi đến khi quyển sách này xuất hiện, khi quyển sách này xuất hiện. Có bốn vị cư sĩ mang quyển sách này lên núi thăm lão Hòa thượng, lão Hòa thượng không biết chữ, Ngài hỏi họ:

- “*Đây là sách gì vậy?*”.

Mọi người nói với Ngài: quyển sách này gọi là:

*- “Nếu muốn Phật Pháp hưng, chỉ có Tăng khen Tăng”.*

Ngài vừa nghe thấy tên quyển sách, đặc biệt vui mừng. Đại khái là A Di Đà Phật dặn dò Ngài:

- “*Khi con gặp được quyển sách này*, *ta sẽ đến tiếp dẫn con vãng sanh*”.

Vì vậy, Ngài cực kỳ vui mừng, vội đi đắp y, cầm lấy quyển sách này, bảo mọi người chụp hình cho Ngài. Đến ngày thứ ba thì Ngài ra đi. Quyển sách này mang ý nghĩa gì? Chính là chứng minh cho Tịnh Tông, chứng minh cho bản Hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, chứng minh bản Hội tập là thật không phải giả. Nên Ngài đến làm chứng sự việc này.

Thứ hai, chứng minh Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng là thật, không có sai lầm. Thứ ba, chứng minh cho những người như chúng ta: mười mấy, hai chục năm nay y theo pháp môn này tu hành, không có đi sai đường. Bất kể ai phản đối, đừng để ý đến họ, bạn chỉ cần yên tâm, một lòng chuyên niệm “A Di Đà Phật”, bạn chắc chắn vãng sanh Tịnh Độ. Ngài đến để biểu cái pháp này, cái pháp này biểu được trọn vẹn. Ba ngày sau thì Ngài ra đi, tự tại vãng sanh. Vào cái ngày vãng sanh vẫn còn làm việc cả buổi: làm cỏ, tưới nước, cuốc đất từ sớm, làm mãi đến tối. Trời sụp tối, mấy người đồng tu kêu lão Hòa thượng:

- “*Sư ngừng tay đi, trời tối rồi*”.

Lão Hòa thượng bèn trả lời:

- “*Nhanh thôi*, *chút xíu nữa là xong rồi*. *Làm xong rồi*, *sau này tôi sẽ không làm nữa*”.

Tối hôm đó thì Ngài vãng sanh, Ngài không làm nữa. Bạn xem, kỳ diệu biết bao! Đều là làm ra tấm gương cho chúng ta xem. Ước hẹn đến rồi, lời ước hẹn giữa Ngài và A Di Đà Phật làm xong rồi; nên tối đến thì Phật đến đưa Ngài đi. Bởi vì có một số pháp sư từng nói chuyện với Ngài, họ nói:

- “*Lúc sư vãng sanh*, *chúng con sẽ đến trợ niệm cho sư*”.

Ngài nói với họ:

- “*Tôi không cần trợ niệm*, *trợ niệm không chắc ăn*, *không đáng tin*. *Tôi tự mình niệm Phật vãng sanh*, *không cần người trợ niệm*”.

Thật vậy, nửa đêm Ngài tự mình niệm Phật ra đi. Lão nhân gia mấy chục năm niệm Phật, trước giờ chưa hề gõ chuông dẫn khánh, nhưng tối hôm đó lại đánh khánh. Đánh khánh cũng là Ngài tự mình đánh, tự mình niệm Phật, một mình niệm đến nửa đêm. Mọi người đều ngủ say rồi, chẳng ai biết Ngài đi vào lúc nào. Đến sáng sớm ngày thứ hai, thì lão Hòa thượng đã đi rồi, làm tấm gương cho chúng ta xem.

Chúng ta phải ghi nhớ, Phật chỉ có một nguyện vọng chính là: “**Độ chúng sanh thành Phật đạo**”. Tịnh Tông “Tín, Nguyện, Trì Danh” là pháp môn bậc nhất giúp Phật độ chúng sanh. Nếu bạn không tin pháp môn này, Phật sẽ giảng cho bạn pháp môn khác. Vì thế, pháp này gọi là pháp khó tin; chỉ cần chịu tin, Phật tuyệt đối không nói pháp môn thứ hai. Phải hiểu được đạo lý này, Phật không hy vọng bạn có thêm rắc rối; cũng không muốn bạn lãng phí thời gian; chỉ mong bạn nhanh nhanh thành Phật mà thôi! Chúng ta không vội còn Ngài thì rất gấp, làm sao Ngài có thể tăng thêm phiền phức cho chúng ta được! Phiền phức toàn là do tự mình chuốc lấy, bởi do không tin pháp môn này. Phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch cái lý này.

Để hiểu được sự việc này, cũng rất phiền phức. Vì thế, Phật lại phải giảng giải cho bạn, nào là Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, rồi giảng kinh Pháp Hoa. Một đời giảng suốt 49 năm, nói nhiều kinh luận như vậy. Điều đó có nghĩa gì? Là do con người đối với pháp môn Tịnh Độ, đối với việc niệm Phật vãng sanh có hoài nghi nên phải giảng giải cho họ. Người không nghi thì không cần thiết, giống như Hải Hiền lão Hòa thượng một con người “Thật thà, nghe lời, thật làm”. Sư phụ Ngài thấy được người có căn tánh như vậy, bèn chẳng nói lời nào, chỉ một câu “Nam mô A Di Đà Phật”, cứ một mực mà niệm. Bạn xem, Ngài thật là “Thật thà” một câu “A Di Đà Phật” niệm suốt 92 năm chưa hề buông bỏ ngày nào. Ngài không rẽ hướng, không thay đổi. Thành công rồi!

Giới thiệu về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, bộ sách này là trọn vẹn nhất, cặn kẽ nhất, đọc một mạch từ đầu đến cuối. Nếu tín tâm còn chưa sanh khởi thì Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ sẽ là một trợ thủ. Sự giúp ích của quyển Chú giải này vô cùng tốt, cứ đem kinh với Chú giải đọc một lượt. Đọc một lần không đủ, theo tiêu chuẩn của tôi: lúc đầu, khi tôi ở Đài Loan học kinh giáo, tiêu chuẩn của tôi là phải đọc 30 lần mới có thể đọc ra được ý vị của sách. Người xưa là phải đọc sách đến ngàn lần, tôi rút nó lại thành 30 lần. Nếu 30 lần cũng làm không được, bạn muốn liễu giải nó là chuyện rất khó. Do đó, khi pháp sư Ấn Chí mang chiếc đĩa kể về sự tích của sư phụ thầy, là ngài Hải Hiền đến Hồng Kông tặng cho tôi; tôi xem rồi, hết sức cảm động, tôi liền coi một mạch 30 lần. Tôi biết được ý nghĩa biểu pháp của Ngài, tôi có thể lý giải chúng. Vì thế, tôi có khuyên đồng học nên đem chiếc đĩa này, cùng với tập sách mỏng này, xem thành tổng kết của “Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh”.

Tất cả lý luận, phương pháp, cảnh giới được nói trong kinh Vô Lượng Thọ, Hải Hiền lão Hòa thượng hoàn toàn thể hiện trong cuộc sống. Trong công việc, thể hiện trong xử việc, đối người, tiếp vật, Ngài hoàn toàn làm được. Cho nên, cảm ứng của Ngài thù thắng không gì bằng. Bao lần thấy Phật? Chuyện này chính Ngài nói ra, là bấy nhiêu lần Ngài cầu Phật đưa Ngài đến Thế Giới Cực Lạc, nhưng Phật không chịu, Phật khen ngợi Ngài:

- “*Con tu hành không tệ*, *tu được rất tốt*; *nên hãy ở lại thế gian này thêm vài năm biểu pháp cho mọi người xem*, *làm tấm gương tốt cho người học Phật*”.

Chính vì lý do này, nên Ngài đợi mãi đến khi quyển sách này xuất hiện. Phật đối với hiện trạng trước mắt của chúng ta, tình trạng xã hội cũng như tình trạng người niệm Phật của Tịnh Tông. Phật biết, còn biết rất rõ ràng nên Phật dùng ngài Hải Hiền nhằm làm ra một cái tổng kết, khiến mọi người phải giác ngộ, phải minh bạch. Tây Phương Thế Giới Cực Lạc có thật, A Di Đà Phật cũng có thật. “Tín, Nguyện, Trì Danh” chắc chắn vãng sanh Tịnh Độ, nhất định phải phát tâm, đừng để tất cả cảnh giới bên ngoài làm bạn lung lạc. Cứ quyết một lòng “Một môn thâm nhập”, vấn đề của chúng ta liền được giải quyết.

“**Nay chúng sanh căn cơ chín muồi**”, căn cơ của chúng sanh thành thục rồi. “**Kham thọ đại pháp Tịnh Độ**”, tức là đối với Thế Giới Cực Lạc và A Di Đà Phật. Đối với việc “Tín, Nguyện, Trì Danh” vãng sanh, không còn hoài nghi, có thể tiếp nhận. Phật liền tuyên giảng pháp môn “Giải thoát rốt ráo”, câu “**Tịnh Độ đại pháp giải thoát rốt ráo**” là một câu, “Cứu cánh” tức là triệt để viên mãn. “**Vì vậy, Ngài vui vẻ nói**”, chữ “Vui” này nghĩa là Ngài hoan hỷ, hết sức hoan hỷ. “**Để phô bày bổn hoài**”, chạm đến tâm nguyện của Phật rồi. Đề kinh có hai chữ “Phật thuyết”, đoạn thứ ba “Đại Thừa”, đây là ví dụ. Hai chữ này đọc theo lối cổ xưa là “Niệm thắng”, tức là “Cỗ xe”, vì ngày xưa xe ngựa, xe bò dùng động vật để kéo, đều gọi là thừa. Chữ “Thừa” này là chữ tượng hình, nó giống như một cỗ xe vậy.

Bạn xem, hai người ngồi hai bên, chính giữa là một cỗ xe, giống như một chiếc xe vậy. Đây là sự ví dụ, “Thừa” có nghĩa là chuyên chở, mang nghĩa là công cụ chuyên chở. “Khai thị của bộ kinh này”, trong kinh này Phật dạy chúng ta, Ngài vì chúng ta khai thị. “Tâm năng niệm vốn đã là Phật”, câu này quan trọng. “**Tâm này là Phật, tâm này làm Phật**”, vì thế “**Cái tâm năng niệm**” vốn đã là Phật, thì “Cái tâm” ấy là to lớn. Chúng ta sử dụng cỗ xe này, là cỗ xe lớn. “Khởi tâm niệm Phật, niệm niệm làm Phật, nên cái pháp được thực hành ấy to lớn, do đó được gọi là Đại Thừa, Đại Thừa là thí dụ.

Chúng ta xem Chú giải ở phần sau của Niệm lão, nói rất tỉ mỉ: “**Khác hẳn Thanh Văn Duyên Giác là Tiểu Thừa chỉ cầu tự giác**”. Đại Thừa đối với Tiểu Thừa mà nói Đại Thừa là phổ độ chúng sanh; còn Tiểu Thừa là tự độ, làm được tự độ thì họ liền viên mãn; nhưng họ chưa phát tâm độ chúng sanh. “**Thập Nhị môn luận viết: Ma Ha Diễn**”, “Ma Ha Diễn” là tiếng Phạn, dịch sang ý nghĩa Trung Quốc là “Đại Thừa”. Cao hơn trong hai thừa, nên gọi là Đại Thừa, chữ “Hai thừa” này chính là Thanh Văn với Duyên Giác. Đại Thừa chỉ cho Bồ Tát, các ngài phát Bồ Đề Tâm phải độ hóa chúng sanh, nên được gọi là Đại Thừa. “Chư Phật đại nhân cỡi cỗ xe này”, chữ “Thừa” ở phía trước là động từ, tức cỡi xe. Còn chữ “Thừa” ở phía sau là chỉ cho xe, tức công cụ giao thông. Cỡi chiếc xe này, chiếc xe này chính là thừa. “Nên gọi là đại, lại diệt trừ được nỗi khổ lớn lao của chúng sanh, ban cho sự đại lợi ích”, chữ “Dữ” này nghĩa là ban cho, nên gọi là “Đại”.

Phật vì chúng ta thuyết bộ kinh này, bộ kinh này cũng giống như một cỗ xe lớn, một chiếc thuyền lớn. Vào thời xưa, xe lớn nhất là xe ngựa, xe ngựa dùng chở người nhưng số người rất giới hạn. Công cụ giao thông thuở xưa, chở được nhiều người nhất là thuyền. Vì thế, trong kinh cũng thường dùng thuyền làm ví dụ, gọi là “Pháp thuyền”; thuyền có thể chở được mấy chục người. Thuở xưa, những con thuyền thế này được gọi là “Pháp thuyền”, đều mang ý nghĩa như vậy. Dùng nó ví dụ cho Đại Thừa, vì mang lợi ích cho nhiều người. Phật có thể diệt trừ những nỗi khổ lớn lao của chúng sanh, nỗi khổ lớn lao của chúng sanh là gì? Người hiện nay đều chịu cái khổ này.

Nền văn minh vật chất, tuy không ngừng tiến bộ, ngày càng gia tăng. Nhưng mọi người ở cái thời này rất đáng thương: Giàu mà không vui, giàu mà bất an, tâm tình chất chồng đau khổ. Không thể sánh với người xưa, người xưa thật sự giàu mà vui, giàu mà an; xã hội an định, thiên hạ thái bình. Đấy là do nguyên nhân gì? Vì chúng ta đã lơ là nền giáo dục tinh thần mất rồi. Hiện tại, trường học rất nhiều, từ nhà trẻ cho đến trường Đại học. Chưa hề nghe thấy có trường học nào dạy cho học sinh hiếu thuận cha mẹ. Hiện nay không còn giảng nữa, dạy cho học trò phải yêu thương anh em, dạy cho chúng thực hành “Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín”. Loại giáo dục này không còn rồi! Vì thế, học sinh ở các trường học thời nay tốt nghiệp Đại học, chúng chỉ biết làm việc chứ không biêt làm người. Kết quả sẽ ra sao? Kết quả, những nhà doanh nghiệp không muốn tuyển dụng chúng.

Nên dù tốt nghiệp đại học vẫn bị thất nghiệp, đây là vấn đề của xã hội hiện nay. Thời xưa không có những chuyện này, giáo dục ở thuở xưa trái ngược với bây giờ. Giáo dục thuở đó, đứng hàng đầu là dạy bạn làm người. Người còn không ra người thì có thể làm việc được sao? Cho nên, trước tiên phải học làm người, sau đó mới học cách làm việc. Bây giờ, nền giáo dục đảo lộn cả rồi, chỉ dạy cách làm việc, không dạy làm người. Vì vậy mới tạo thành sự hỗn loạn trong xã hội, tạo thành Quả địa cầu đầy tai biến. Hiện nay, đã đạt đến mức vô cùng nghiêm trọng. Có một bộ phận nhỏ người giác ngộ, họ tỉnh táo. Việc này làm thế nào? Tuy rằng giác ngộ rồi nhưng chẳng có cách nào, không biết phải làm thế nào mới tốt.

Tiến sĩ Thang Ân Tỷ tuy có kiến nghị, người Trung Quốc có cách. Vào năm 1970, trong chuyến viếng thăm Nhật Bản, ông có nói: “Giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21”, chính là hiện nay, thời này là thế kỷ 21, “chỉ có học thuyết Khổng-Mạnh của Trung Quốc cùng với Phật Pháp Đại Thừa”. Đây là phương thuốc mà ông đã kê ra, nhưng chẳng ai tin tưởng. Ông là người nước Anh, ngay cả người anh cũng không tin. Tôi hai lần đến thăm Luân Đôn, tôi chuyên đến thăm “Hán học” của Anh: Đại học Newyork, Đại học Cambridge và Đại học Luân Đôn. Tôi cùng với sinh viên và các giáo sư ngành Hán học ở Anh giao lưu, tôi có đưa ra vấn đề này:

- “*Ông là người Anh của các bạn*, *là nhà triết học danh tiếng trong lịch sử thế giới*. *Hai câu mà ông ấy nói*, *các bạn có tán thành không*?”.

Không một ai tán thành, họ đều không nói gì, chỉ nhìn tôi cười. Tôi hỏi ngược lại họ, tôi nói:

- “*Chẳng lẽ*, *lời của tiến sĩ Thang Ân Tỷ*, *nói sai rồi sao*?”.

Họ vẫn chỉ cười, không nói một câu nào. Tôi buộc lòng phải khen họ vài câu, tôi nói:

- “*Các bạn thật thông minh*, *không tán thành cũng không phản đối*. *Có phải là thái độ này không*?”.

Mọi người đều cười tươi, không đồng ý cũng không phản đối. Vì sao lại không tán thành? Vì họ có nghi hoặc. Nghi vấn này, tôi nói:

- “*Tôi có thể cảm nhận được*, *tôi có thể lý giải*”. Họ nói: “*Những thứ của Trung Quốc tốt như vậy*, *học thuyết Khổng-Mạnh với Phật Pháp Đại Thừa*. *Vậy tại sao người Trung Quốc lại không cần*?”.

- “*Nếu tôi là người Anh*, *tôi cũng sẽ nghi ngờ*. *Vì sao người Trung Quốc không cần chứ*? *Người Trung Quốc lại học theo chúng tôi*, *học theo Tây Phương*, *đồ của chính mình thì không cần*. *Họ không dám phản đối vì tiếng tăm của ông quá lớn*. *Tiếng vang quá lớn*, *nên họ không dám phản đối*, *phản đối sợ bị người khác phê bình*”, tôi nói.

- “*Có phải là có cái tâm như vậy không?*”

- “*Đúng vậy!*”

Sau đó tôi nói với họ:

- “*Nếu bạn đem vấn đề này đến hỏi tôi*, *tôi nói*, *tôi sẽ trả lời là*: *tiến sĩ Thang Ân Tỷ nói không hề sai chút nào*, *hoàn toàn chính xác*, *thậm chí đến người Trung Quốc vì sao cũng không cần*. *Đó là do lịch sử cận đại*, *người Trung Quốc không còn cần nữa*, *phế bỏ những thứ này*”.

Chẳng qua cũng chỉ mới 120, hay 130 năm mà thôi. 100, 150 năm trước, người Trung Quốc chưa hề từ bỏ, họ vẫn cần, ngày ngày đều học thật. Chuyện này chẳng qua chỉ mới là chuyện của 120 hay 130 năm gần đây. Nếu chân thật hiểu được điều này, bạn liền minh bạch lịch sử cận đại của Trung Quốc, hiểu biết một cách sâu sắc lịch sử văn hóa của Trung Quốc. Tiến sĩ Thang Ân Tỷ là người đầu tiên, ở Trung Quốc tìm không ra một người như thế. Ông đối với trong quốc có lòng tin, tuy người Trung Quốc hiện nay không cần, người Trung Quốc sẽ phải chịu khổ, chịu khổ đủ rồi sẽ nghĩ đến Lão tổ tông. Vì sao? Dẫu sao Trung Quốc đã có nền lịch sử văn hóa đến năm ngàn năm, cái gốc của họ quá sâu. Đây chỉ là sai lầm nhất thời, rồi họ sẽ quay đầu. Vì thế, ông đem hy vọng giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21 và tương lai thế giới này, được an định hài hòa vững bền; toàn bộ đều gửi gắm trên vai người Trung Quốc. Chúng tôi cũng thấy sốt ruột, cũng rất lo lắng vì chuyện này. Mấy chục năm nay, chúng tôi vẫn thường canh cánh bên lòng, suy nghĩ phải làm sao?

Hiện nay, nhìn thấy có một tia hy vọng rồi, xem thấy Tập Chủ tịch hiện thời của Trung Quốc. Tôi thấy cách làm của ông, thấy ông đến thăm Châu Âu. Trong mấy chục buổi diễn giảng, mỗi buổi đều nhắc đến “Sự ưu tú của văn hóa truyền thống Trung Quốc”. Nếu ông Thang Ân Tỷ còn sống mà nghe được lời này, có lẽ sẽ rất vui. Mộng tưởng được thực hiện rồi! Trong dân gian, duy nhất có thể làm được việc này, chính là đem bảo vật văn hóa cùng với điển tịch tiếp tục bảo tồn, đó chính là “Tứ Khố Toàn Thư”. Thứ này mà thất truyền thì coi như xong, vậy coi như thật hết cách.

Điển tịch hiện nay đã được in ra, “Tứ Khố Toàn Thư” có đến mấy trăm bộ, có lẽ khoảng bốn, năm trăm bộ, sẽ không bị thất truyền. Nhưng ai có thể đọc đây? Ai có thể đến giảng giải cho chúng ta đây? Vấn đề này hiện đang ở trước mắt. Vì thế, chúng tôi liền nghĩ đến Châu Âu có Viện Hán học, còn Châu Á thì không. Chúng ta làm Viện Hán học bồi dưỡng giáo viên, để họ có thể đọc được “Tứ Khố Toàn Thư”, phải bồi dưỡng những người như vậy. Sau khi được bồi dưỡng xong, ta sẽ mời họ đến giảng, giảng cái gì? Là những thứ cấp cứu, tức là những thứ mà xã hội hiện nay đang rất cần đến: chân thật cứu quốc gia, cứu thế giới. Đường Thái Tông biên soạn ra “Quần Thư Trị Yếu”. Nếu có thể bồi dưỡng mấy chục giáo viên chân thật hiểu thấu đáo, tường tận rồi; giảng được rõ ràng, thấu triệt khiến người người đều tiếp nhận nền giáo dục này. Đồng nghĩa nguyện vọng của tiến sĩ Thang Ân Tỷ đã đạt được, quả thật có thể hóa giải mọi xung đột. Mang đến sự an định hài hòa, vững bền cho xã hội.

Sự việc này tôi tin rằng: rất nhanh là có thể trở thành hiện thực. Mấy năm trước, tôi có được bộ sách này là “Quần Thư Trị Yếu” và “Quốc học Trị Yếu”. Hai bộ sách này tôi có được như bắt được báu vật, vì sao? Vì Trung Quốc được cứu rồi, thế giới được cứu rồi. Không có hai bộ sách này, “Tứ Khố Toàn Thư” phân lượng lớn như vậy, biết bắt đầu từ đâu? Đây là một vấn đề lớn, tìm được “Trị Yếu” tôi cảm thấy đó là do tổ tông bảo hộ, bộ sách này mới không bị thất truyền. Đầu Dân Quốc, Thương Vụ Ấn Thư Quán có in ra hai bản, số lượng có lẽ không nhiều. Bởi vì, người biết được bộ sách này rất ít, đã thất truyền ở Trung Quốc hết một ngàn năm, bị người Nhật mang đi. Lúc đó, Gia Khánh làm Hoàng đế. Nhật Bản tặng lễ vật cho Hoàng đế Trung Quốc, tức là tiến cống, trong đó có bộ sách này. Nhưng lúc được đưa đến Trung Quốc, người Trung Quốc lại không xem trọng, do nguyên nhân gì? Vì vào thời Khang Hy, Ung Chính, Càn Long là thời kỳ thịnh thế của nhà Thanh. Tình hình hưng thịnh lúc đó vượt qua những năm Trinh Quán. Do đó, không có sự xem trọng đối với Đường Thái Tông.

Đến khi nhà Thanh mất nước, những năm đầu Dân Quốc, một số học giả phát hiện ra. Đây là một bộ sách hay. Chiếu theo phiên bản gốc của Nhật in qua một lần, về sau trong bộ “Quốc học Tùng Thư”, họ cho khắc bản rồi đem in một lần, phân lượng đại khái đều là một ngàn bản. Vì thế trong 100 năm này, xã hội Trung Quốc chiến loạn, những sách này đều bị mất đi.

Tôi đã tìm kiếm hai, ba năm, nhưng chẳng có tin tức gì. Lúc giảng kinh có nói ra điều đó, không ngờ thính chúng thay tôi tìm được rồi. Tôi vừa nhận được bộ sách này, mở ra xem, quyển sách này còn chưa có ai xem qua. Không có lấy vết tích gấp sách, giấy rất giòn, vì đã 100 năm rồi nên giấy rất giòn. Tôi cũng không cho dịch mới lại, vì lúc dịch, giấy có thể bị rách mất. Cũng may chữ còn rõ, một chữ cũng không bị ảnh hưởng. Tôi mau chóng cho in, in mười ngàn bộ, rồi tặng cho thư viện các trường Đại học trên toàn Thế giới. Thư viện Quốc Gia bèn cho nhập tạng, bộ sách này sẽ không bao giờ bị thất truyền. Bộ sách này chân thật có thể cứu toàn Thế giới.

Những điều trong này đều nói về Đại Thừa, thật có thể giúp chúng sanh diệt trừ khổ nạn. Mang đến lợi ích lớn lao, ban cho người của thời đại này, người của toàn Thế giới, lợi ích rất lớn; nên được gọi là “Đại”. Lại còn Bồ Tát Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Di Lặc, đây cũng là “Thừa” của các bậc đại sĩ này, nên được gọi là “Đại”. Mấy vị Bồ Tát này, đều là những bậc được tôn kính nhất trong tâm của người Trung Quốc. Quan Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, Đại Thế Chí Bồ Tát tiếp dẫn chúng ta, giúp đỡ chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Bồ Tát Di Lặc dạy chúng ta dùng tâm bình đẳng, dùng tâm từ bi đối người, tiếp vật. Các ngài đều là “Đại Thừa”.

“**Lại do dùng thừa này để tột cùng bờ, đáy của hết thảy các pháp, nên gọi là ‘Đại’, nhất là Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh**”. Bộ kinh này quả thật có thể đạt đến tột cùng bến bờ của hết thảy các pháp. Tất cả pháp là mọi pháp được thuyết bởi hết thảy chư Phật. Toàn bộ đều nằm trong bộ kinh này, có thể đạt đến tận cùng bờ bến của hết thảy pháp, có thể chạm đến tận đáy tất cả pháp. Bộ kinh này đều nói trọn cả rồi. Thập phương Tam thế, tất cả pháp được thuyết bởi hết thảy chư Phật Như Lai đều không ra ngoài “Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh”. Hay nói cách khác, Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh đã trọn vẹn tất cả, bao gồm tất cả kinh pháp mà Phật Thích Ca đã thuyết trong 49 năm, đều nằm trong bộ kinh này. Học một bộ này, chính là học hết tất cả pháp suốt 49 năm của Thế Tôn, đều nằm trong này. Đồng thời, cũng học trọn vẹn tất cả pháp được thuyết của hết thảy chư Phật ở Thập phương Tam thế.

Giáo pháp này thù thắng biết dường nào! Cho nên vào những năm cuối đời, tôi thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ. Không còn đi những con đường không cần thiết nữa, cũng buông bỏ “Hoa Nghiêm”. Kinh này đã bao hàm cả kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm với kinh này là cùng một bộ. Cổ đại đức đã nói: bộ này là Trung bổn Hoa Nghiêm, còn kinh A Di Đà là Tiểu bổn Hoa Nghiêm. “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh” là Đại bổn của kinh Vô Lượng Thọ, là Đại bổn của kinh A Di Đà, một mà ba, ba mà một. Thời tiết nhân duyên hiện tại, tôi cảm giác thời gian không còn nhiều, phải nhanh lên, không thể chậm trễ nữa. Chúng tôi trực tiếp chọn bộ kinh này, thay thế kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và các kinh luận Đại Thừa.

Chúng ta xem tiếp phía dưới: “**Lại như trong kinh Bát Nhã**; **Phật tự nói Ma Ha diễn vô lượng vô biên**”, bộ này do chính Phật Thích Ca tự mình thuyết ra. “Ma Ha Diễn” tức là Đại Thừa, Đại Thừa giáo nghĩa không có số lượng, không có biên giới. Vì thếđược xưng là “Đại”, do các nhân duyên ấy nên gọi là “đại”. Kinh Bảo Tích lại nói: “Đạo thực hành của chư Phật Như Lai chánh chân Chánh Giác, thừa ấy gọi là Đại Thừa”, kinh Bảo Tích là một đơn vị lớn. Trong phần này, Phật cũng từng nói qua kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế trong 12 bản dịch, có một hội là “Vô Lượng Thọ Như Lai Hội”.

Trong kinh Đại Bảo Tích bộ này được phiên dịch vào triều Đường, nói về đạo thực hành của chư Phật Như Lai, là chánh chân Chánh Giác, nên đạo ấy gọi là Đại Thừa. “**Các kinh, luận trên đây chỉ rõ Đại Thừa; chỉ có chư Phật, Bồ Tát mới có thể thực hiện nổi**”, chuyên chỉ cho các đại Bồ Tát. Đại Bồ Tát ở địa vị nào là bậc “Minh tâm kiến tánh”, tức là trong giáo lý Đại Thừa thường nói là: “**Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân**”.

“Đại triệt đại ngộ, Minh tâm kiến tánh”, đây mới được tính là đại Bồ Tát. Các ngài tu hành ở nơi nào? Thông thường đều ở Thế Giới Hoa Tạng. Trong kinh Hoa Nghiêm bảo là: “**Thế Giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật**”, đó là Pháp Thân Như Lai, Tỳ Lô Giá Na Phật là Báo thân Như Lai. Các ngài ở nơi đó tu hành, cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật Thích Ca Mâu Ni, tu pháp môn Tịnh Độ. Các ngài đến Thế Giới Cực Lạc, cũng ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nhưng Thế Giới Cực Lạc rất đặc biệt, đặc biệt ở chỗ nào? Thế Giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng; thế giới của mười phương chư Phật đều không bình đẳng. Giống như hiện nay hiện tượng phân ban ở trường học; Tiểu Thừa đi với Tiểu Thừa; Đại Thừa đi với Đại Thừa; học Hoa Nghiêm thì song hành cùng Hoa Nghiêm; học Pháp Hoa thì đi đôi với Pháp Hoa. Nó có các cấp bậc hẳn hoi, Thế Giới Cực Lạc không như vậy.

Vậy trên kinh có nói, Thế Giới Cực Lạc có bốn cõi ba bậc chín phẩm? Có! Trên mặt văn tự thì có, nhưng trên thực tế thì không. Vì sao trên thực tế lại không có chuyện đó? Trong phần kinh văn trong 48 nguyện của A Di Đà Phật có tuyên bố: **Người niệm Phật cầu vãng sanh ở mười phương thế giới, sau khi đến Thế Giới Cực Lạc đều được oai thần Bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, đều thành A Duy Việt Trí Bồ Tát**. Cái nguyện này tuyệt không gì bằng, nguyện này có nghĩa gì? Tức là những ai chưa chứng đắc thành A Duy Việt Trí, đến Cực Lạc thảy đều nâng lên thành bậc A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí là gì? Chính là Pháp Thân Bồ Tát, Minh tâm kiến tánh. Đây không phải do công đức tu hành của chính họ đạt đến cảnh giới này; không phải vậy, là do được A Di Đà Phật gia trì. “Gia trì” nghĩa là thật sự có gia trì, chứ không phải giả. Họ chân thật có trí huệ, thần thông, đạo lực của A Duy Việt Trí Bồ Tát; họ thật có khởi tác dụng. Vì thế, Thế Giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng. Bạn xem đầu tiên, A Di Đà Phật suy nghĩ hết sức chu đáo.

Thế giới này của chúng ta: Thân tướng của con người không như nhau, có người lớn lên xinh đẹp, có người lại kém hơn một chút; có người sức khỏe cường tráng, có người sức khỏe suy nhược: có người cao, có người thấp. Đây là gì? Là không công bằng. Thân thể khỏe mạnh, tướng mạo đẹp đẽ dễ sanh tâm ngạo mạn; những người có chỗ không tốt lại mang mặc cảm tự ti. Đây không phải khiến người ta sinh phiền não sao! Vì lẽ đó, nguyện đầu tiên của A Di Đà Phật, nguyện thứ năm trong 48 nguyện: “**Phàm** **là người vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc**, **thân tướng hoàn toàn giống như A Di Đà Phật**”. A Di Đà Phật có tướng thế nào, bạn cũng có tướng y như vậy. Thật sự bình đẳng, tướng mạo là như nhau; cao như nhau; tướng hảo như nhau; trí huệ cũng giống nhau; thần thông cũng ngang nhau; mọi thứ hưởng thụ đều như nhau.

Việc này, ngoại trừ Thế Giới Cực Lạc ra, không hề có trong bất kỳ một cõi nước của chư Phật nào. Chúng ta phải tin tưởng, A Di Đà Phật không hề vọng ngữ. A Di Đà Phật nói lời giữ lời, không lừa gạt chúng ta. Tất cả thế giới đều không bình đẳng, chỉ có A Di Đà Phật là bình đẳng mà thôi. A Di Đà Phật lấy Ngài làm tiêu chuẩn, còn mười phương thế giới là lấy công phu tu hành, lẫn những nghiệp thiện-ác đã tạo của mỗi người làm tiêu chuẩn. Vậy thì liền chẳng bình đẳng rồi! Do đó, Đại Thừa ở chỗ này cũng không phải Đại Thừa thông thường. Được nói trong kinh Đại Thừa, nó có ý vị đặc biệt hàm chứa bên trong “**Sở hạnh của chư Phật Như Lai**”, đây là Đại Thừa.

“**Hơn nữa, cái ‘Đại’ này ngay do thể thành tên, đại có nghĩa là thường trọn khắp**”, đây là sự giải thích cho chữ “Đại” này. “Đại” là tên chỉ cho “Cái thể” ở Thế Giới Cực Lạc, Thế Giới Cực Lạc rộng lớn, lớn đến mức nào? Mấy câu bên dưới nói rõ, lớn đến mức “Thường trọn khắp”. “Thường” tức là không có sanh diệt, đây gọi là “Thường”. Có sanh. Có diệt thì gọi là “Vô thường”; không sanh không diệt. Biến là“Chu biến” Pháp giới. Trên kinh Phật thường nói biến Pháp giới Hư không giới, vậy Thế Giới Cực Lạc lớn bao nhiêu? Là biến Pháp giới Hư không giới, một chút cũng không sai, vì cõi đó là Pháp Tánh Độ, nghĩa là nó không giống với nơi này. Không những cõi Thật Báo Trang Nghiêm là Pháp Tánh Độ, mà cõi Phương Tiện Hữu Dư cũng là Pháp Tánh Độ; hay cõi Phàm Thánh Đồng Cư vẫn là Pháp Tánh Độ. Hay nói cách khác, Thế Giới Cực Lạc chỉ có Pháp Tánh, không có A lại da, không có tám thức. Tuy có tên bốn cõi, nhưng cái tên này khác với tên gọi của mười phương thế giới.

Thực tế mọi thứ toàn là Pháp Tánh Thân và Pháp Tánh Độ. Vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc là ngồi hoa sen mà đi, hoa sen chính là sự gia trì của A Di Đà Phật. Bạn ngồi trong hoa sen, thời gian rất ngắn là đến Thế Giới Cực Lạc rồi. Trong hoa sen, bạn sẽ chuyển “tám thức” thành “bốn trí”. Khi bạn ngồi trong hoa sen, bạn liền đem tám thức buông bỏ, Tứ trí Bồ Đề liền xuất hiện; chuyển “A lại da” thành “Đại viên cảnh trí”; chuyển “Mạt na” thành “Bình đẳng Tánh trí”; chuyển “Ý thức thứ sáu” thành “Diệu quan sát trí”; chuyển năm cái thức phía trước thành “Thành sở tác trí”. “Thức” không còn nữa, thức là sanh diệt; tánh, tánh thì không sanh không diệt. Vì thế, đến Thế Giới Cực Lạc “Hoa khai kiến Phật”. Cái tướng đó hoàn toàn giống như tướng của A Di Đà Phật.

Sau lưng của tôi là bức tranh “Thế Giới Cực Lạc biến tướng đồ”, người họa sĩ vẽ tướng của A Di Đà Phật đặc biệt vẽ to hơn một chút, kỳ thực không phải vậy. Tướng của A Di Đà Phật với tướng của mỗi người vãng sanh đều như nhau. Đây là do người vẽ lại, nên đặc biệt cung kính đối với A Di Đà Phật, với ngài Quan Âm và Thế Chí; nên vẽ ba vị này lớn hơn một chút. Phải biết rằng, trên thực tế đều như nhau cả. Đến nơi đó, cái thân có được là Pháp Tánh Thân, hoàn cảnh cư trú là Pháp Tánh Độ. Tuy có bốn cõi, nhưng là bình đẳng. Vì vậy, đến cõi đó như trên kinh có nói: Bồ Tát Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền và Bồ Tát Di Lặc, những vị này đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Bạn đều thấy được, còn ở chung với các ngài, lúc nào cũng có thể gặp mặt. Không như mười phương thế giới, mười phương thế giới có sự cách biệt; không cùng một đẳng cấp sẽ không thấy được.

Tây Phương Thế Giới Cực Lạc bốn cõi ba bậc chín phẩm đều ở cùng nhau, sinh hoạt cùng nhau, cùng nhau nghe kinh, cùng nhau học tập. Tiến bộ nhanh, tập khí phiền não ở trong một hoàn cảnh như thế tự nhiên sẽ biến mất. Vì sao vậy? Vì chúng không thể sanh khởi, không có môi trường để sanh phiền não. Thời gian lâu dần, tự nhiên không còn, không cần phải dồn hết tâm trí để đoạn phiền não. Học tập các pháp môn, cũng không cần thiết phải dồn sức mới học được. A Di Đà Phật, thời thời khắc khắc hóa thân vô lượng vô biên, để làm gì vậy? Để đi tiếp dẫn người niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ ở Thập phương thế giới. Hóa thân của Phật đến tiếp dẫn, mỗi vị Bồ Tát ở Thế Giới Cực Lạc chính là mỗi người khi vãng sanh về Cực Lạc đều thành Bồ Tát. Họ cũng hóa thân vô lượng vô biên, họ hóa thân để làm gì? Hóa thân đến mười phương thế giới đi lễ Phật, đi cúng Phật, nghe pháp. Bạn liền biết, đến cõi Cực Lạc học Phật Pháp, là do ai dạy cho bạn? Chư Phật Như Lai dạy bạn.

Ở Thế Giới Cực Lạc, đích thân A Di Đà Phật dạy ta. Ở cõi nước của chư Phật mười phương, bạn đều có khả năng đi gặp Phật, đích thân vị Phật đó dạy cho bạn. Học tập một ngày ở Thế Giới Cực Lạc bằng chúng ta học vô lượng kiếp ở thế giới này, chẳng thể nào so nổi. Bạn mới biết thành tựu ở Thế Giới Cực Lạc thù thắng biết bao, vậy có thể không đi sao! Đi cũng rất dễ, không hề phiền phức, chỉ cần chính mình thật tin. Nhớ kỹ, không được có mảy may hoài nghi nào, chân thật phát nguyện.

Đời này của tôi không nghĩ đến cái gì khác, chỉ muốn thấy A Di Đà Phật. Muốn học tập với A Di Đà Phật, phải có cái nguyện vọng khẩn thiết như thế, nhất tâm chuyên niệm “A Di Đà Phật”. Nếu muốn trở về lại thế gian này, rất dễ. Sau khi đến Thế Giới Cực Lạc muốn trở lại, khi bạn trở về lại là dưới thân phận Bồ Tát; trở về là với cái thân Pháp Tánh giống như chư Phật vậy. Đối với chúng sanh nên dùng thân gì để độ, bạn liền hiện thân đó. Họ muốn nghe Phật Pháp thế nào, bạn sẽ giảng cho họ Pháp thế ấy. Phật hiện thân không có cái thân nhất định; Phật thuyết pháp cũng không có một pháp cố định nào cả. Đến hiện thân giống như trong “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn phẩm”, nói đến 32 ứng thân. Nên dùng thân gì để độ, liền hiện thân đó, thật là tự tại! Vì thế chữ “Đại” này, “Đại” là sự tán thán ca ngợi với nghĩa là “Thường trọn khắp”.

Bên dưới có nói rõ, thế nào là thường? Thế nào là trọn khắp (“Thể” không bờ bến)? Cổ nhân Trung Quốc nói:“**Đại nhi vô ngoại**”, chính là có cái ý này. Chúng ta phải phát tâm, phát tâm gì? Là chân tâm, chân tâm bao lớn? Không có bờ mé. Chân tâm chính là bản thể của tự tánh, trên kinh Phật thường nói: “**Tâm bao thái hư**, **lượng chu sa giới**”. Người với tâm lượng nhỏ nhen sẽ không thể vãng sanh, tâm lượng vãng sanh Thế Giới Cực Lạc nhất định phải lớn. Độ chúng sanh là phải độ khắp biến Pháp giới Hư không giới, tất cả chúng sanh khổ nạn. Không phải chỉ một khu vực này của tôi, hay không phải chỉ riêng mỗi quốc gia, mỗi trái đất này thôi, không phải vậy. Tất cả chúng sanh ở mọi tinh cầu trong khắp toàn vũ trụ này, ta thảy đều phải độ họ, phải phát cái tâm lớn lao này.

“**Dứt** **bặt các đối đãi**”, đối đãi tức là tương đối. Cái ý niệm về tương đối này phải đoạn dứt. Không có tương đối; có đối đãi tức là không bình đẳng; không còn đối đãi thì mới bình đẳng. Đây là điều chúng ta phải tu trong cuộc sống thường ngày, nhất định phải biết. Huệ Năng đại sư có nói: “**Nào ngờ tự tánh**, **năng sanh vạn pháp**”, tự tánh không có đối đãi, không có anh với tôi vì là một thể, toàn thể vũ trụ với ta là một thể. “**Ngang thì trùm khắp mười phương, dọc thì thông suốt ba đời**”, ngang là nói về không gian, mười phương là một thể; dọc là nói đến thời gian “Quá khứ, hiện tại, vị lai” cũng là một thể. Mười phương ba đời cùng là một thể, không hề có phân biệt.

“**Quá khứ vô thủy, vị lai vô chung, chẳng có pháp nào trước**”, đây chính là tự tánh. Trong tự tánh, có cái pháp nào trước không? Không có. “**Chỉ có cái này có trước hết thảy các pháp**”, chỉ có tự tánh là cái có trước các pháp, vì sao? Vì nó có thể sanh ra các pháp, các pháp là do nó sanh ra. “**Quá khứ vô thủy, vị lai vô chung**”, đây là ý nghĩa của “Đại” như bài kệ của phó đại sĩ. “Có một vật có trước, cả trời đất vốn vô hình lặng lẽ”, hai câu này nói đến điều gì? Nói về tự tánh. Có một vật, nó có trước cả trời đất, vì sao? Vì nó có thể sanh ra trời đất. “Năng sanh vạn pháp”, nó không có hình dáng. Tự tánh không phải hiện tượng vật chất, cũng không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Đều không có ba loại hiện tượng này, nhưng nó có thể sanh ra ba hiện tượng này. Ở chỗ này dùng một chữ “Có”, và một chữ “Vô”, hai chữ này dùng rất hay. “Có, Vô” ở chỗ này là cùng một ý nghĩa, “Có” nhưng không thể chấp trước, “Vô” đương nhiên cũng không thể chấp trước. Có cái gì? Có tự tánh. Tự tánh là dạng phi vật chất, phi tinh thần, phi tự nhiên. Bạn nhìn không thấy, nghe không được, chạm không tới. Đây là bổn thể của cái “Năng sanh”, tức tự tánh. Nó không có hình dạng nào cả, nó thanh tịnh tịch diệt, nó có thể sanh ra thiên địa, sanh ra vạn vật.

Cho nên, hai câu này chỉ sự hình dung cho bản thể của tự tánh. “**Nên cưỡng gọi là đại**”, bất đắc dĩ phải miễn cưỡng dùng chữ này, để đại biểu cho tự tánh, dùng chữ “Đại” này. “**Như kinh Niết Bàn chép, các đại vừa được nói đó được gọi là thường**”, vì sao bảo nó là “Đại”? Vì chỉ có nó là không sanh không diệt, tồn tại mãi mãi. Nó bất biến bất dịch, nó không thay đổi, cũng không bao giờ biến dịch. Nó vĩnh hằng, nên gọi là “Thường”. “**Lại bảo: cái đại vừa được nói đó; tánh nó rộng lớn, dường như Hư không**”, những từ ngữ này đều là sự hình dung. Chữ “Đại” ở trong kinh, trong kinh này, hai chữ “Đại Thừa” để ví dụ cho “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật”, đây là “Đệ nhất nghĩa đế của Tịnh Tông”. Tịnh Độ Tông tu hành chứng quả, cái lý của nó là gì? Ý nói đến đạo lý, đạo lý chính là hai câu này. Chỗ căn cứ của Tịnh Tông là dựa vào “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật”, cái “Tâm” này vốn là Phật, mê rồi thì biến thành phàm phu.

Bây giờ, chúng ta phản mê trở về giác, thì thành Phật rồi. Chỉ cần buông bỏ sự mê muội, giác liền hiện tiền. Đừng tiếp tục đi tìm sự giác ngộ, tìm giác là lại trở thành mê ngay. Chỉ cần buông xả mê hoặc, đó chính là giác. Sáng tối là một thể nhưng hai mặt: Có sáng thì tối liền không còn; có tối thì sáng sẽ biến mất. Phật là mặt sáng, mê là mặt tối còn lại. Chỉ cần buông bỏ mặt tối, sáng tự nhiên hiển hiện, không cần phải đi tìm sáng làm gì. Nên mới nói buông xả thì phải! Buông xả vọng tưởng, buông xả phân biệt, buông xả chấp trước.

Lúc nào thì buông xả? Buông xả ngay chỗ nào? Bước đầu tiên của người tu hành, chính là buông xả ngay nơi sáu căn: Buông xả nơi mắt thấy sắc, buông bỏ chấp trước, buông xả phân biệt, buông xả khởi tâm động niệm. Buông xả lúc tai nghe tiếng, cũng buông xả chấp trước, buông xả phân biệt và vọng tưởng. Buông xả khi mũi ngửi mùi, khi lưỡi nếm vị; khi bạn ăn cơm thì buông xả lúc đang ăn; trong lúc tưởng tượng, ta buông xả khởi tâm động niệm. Đây là thật tu hành, thật công phu. Thế nào là Phật? Mắt Phật thấy rõ ràng, nghe tường tận, nhưng Ngài không khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước.

Phật nghe mọi âm thanh, nghe rất rõ ràng, nghe được rành mạch; cũng không khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Đây được gọi là Phật, tức là trở về với tự tánh. Đây mới là thật dụng công, thật biết cách dụng công, hoàn toàn trở về với “Thanh tịnh, bình Đẳng Giác”. Bạn có thể tu như vậy, tâm của bạn vĩnh viễn là thanh tịnh, mãi mãi là bình đẳng, mãi là giác mà không mê. Đây chính là điều trên đề kinh dạy cho chúng ta. Tổng cương lĩnh tu hành của Tịnh Tông chính là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”, tâm tịnh ắt cõi Phật tịnh. Chỉ cần tâm tịnh, hoàn cảnh bên ngoài thảy đều thanh tịnh, vì sao vậy? Vì tâm bạn không còn ô nhiễm.

Chúng ta xem tiếp kinh văn: “**Tâm năng niệm vốn đã là Phật, thì cái tâm ấy là to lớn; khởi tâm niệm Phật, niệm niệm làm Phật; nên cái pháp được thực hành ấy to lớn; hơn nữa, năng tu chính là cái tâm: tâm này là Phật**”. Dùng cái gì để tu? Chính là dùng cái này tu, dùng tâm mà tu. “**Cái** **được tu tức (Sở tu) chính là cái tâm**: **tâm này làm Phật’**; **năng tu**, **sở tu chỉ là một tâm**; **ngay nơi tâm ấy là Phật**, **tâm**, **Phật chẳng hai**”. Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm; giác mà không mê, tịnh mà không nhiễm. Đấy chính là Phật, tức tâm tức Phật (Tự Phật, tha Phật chỉ là một Phật). Như thế chẳng phải trở thành một thể rồi sao!

“**Tự**, **tha chẳng hai**; **tự**, **tha giống hệt nhau**, **tu**, **chứng chẳng hai**; **siêu tình**, **ly kiến**. **Vì vậy**, **cưỡng gọi là đại**”, “Tự” với “Tha” quả thật là một thể. Nhưng “Tự tha “chẳng hai “Bất Nhị”, chẳng hai ý là một thể. Nếu bạn có thể ở chỗ này chứng thực, chứng đắc được, bạn liền nhập vào cảnh giới Phật. Vậy có tu, có chứng hay không? Có! Tuy là có tu có chứng, nhưng không chấp trước có cái mà mình tu chứng được, vì sao? Chấp trước cái mà mình tu chứng, bạn liền biến thành phàm phu. Tại sao như vậy? Vì bạn có khởi tâm động niệm, lại có phân biệt chấp trước. Phàm-thánh khác biệt chính tại chỗ này. Vì thế siêu tình, “Tình” chính là phân biệt, “Kiến” tức là chấp trước, “Đại” cũng chỉ là bất đắc dĩ phải nói như vậy. Vì sao? Vì làm gì có danh từ để nói chứ! Ngay cả Lão Tử cũng nói: “***Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo***”. “Danh” là cái danh giả tạm, lúc dạy học dùng nó làm phương tiện.

Nếu như khế nhập vào cảnh giới thật sự, Pháp phương tiện này phải buông xả, bạn mới có thể thấy được thứ chân thật. Nên trong tên kinh, dùng Đại Thừa làm thí dụ để chỉ rõ cái yếu chỉ của trọn bộ kinh. Đại Thừa là trí huệ, Đại Thừa là Bát Nhã. Toàn kinh, chính là do từ trong Bát Nhã lưu xuất ra. Tông chỉ trọng yếu của toàn kinh, “Tông chỉ” chính là phương pháp lý luận tu hành. Thông thường chúng ta hay nói: “Đại Thừa” đại biểu cho trí huệ; “Vô Lượng Thọ” đại biểu cho đức hạnh; “Trang nghiêm” đại biểu cho tướng hảo. Đây là quả báo của Tây Phương Thế Giới Cực Lạc. “Quả” ắt phải có “Nhân”, nhân là gì? Chính là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác” mà phía trước đã nói. Chỉ cần tâm bạn “Thanh tịnh, bình Đẳng Giác”, bạn nhất định sẽ chứng được Đại Thừa. Vô lượng thọ, trang nghiêm “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm”, chính là trí huệ Như Lai mà kinh Hoa Nghiêm đề cập đến. “Đại Thừa” là trí huệ; “Đức”, “Vô lượng thọ” là “Đức”; “Trang nghiêm” là “Tướng”; “Trí Huệ, Đức, Tướng” đều nói trọn cả rồi. Bộ kinh này nói về cái gì? Chính là nói về những cái này.

Tốt rồi, hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

